

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NGỌC HIỂN
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 59/2019/DS-ST

Ngày: 28-11-2019

“V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NGỌC HIỂN, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Hoàng Tuấn.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Thanh Liêm.

Ông Lê Quốc Trung.

- Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Văn Lợi là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ngọc Hiển, tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ngọc Hiển, tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Thùy Linh – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ngọc Hiển, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 131/2019/TLST-DS ngày 11 tháng 7 năm 2019 về việc: “Tranh chấp tiền hụi”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 83/2019/QĐXXST-DS ngày 15 tháng 11 năm 2019, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Ngô Thị M, sinh năm 1967. (có mặt)

Cư trú tại: Khóm 8, thị trấn Rạch Gốc, huyện Ngọc Hiển, tỉnh Cà Mau.

2. *Bị đơn:* Vợ chồng ông Nguyễn Thanh C, sinh năm 1976 và bà Trần Kim N, sinh năm 1980. (xin vắng mặt).

Cùng cư trú tại: Khóm 3, thị trấn Rạch Gốc, huyện Ngọc Hiển, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Ngô Thị M trình bày:*

Vào ngày 20/01/2018 âm lịch bà M cho bà Trần Kim N mượn với số tiền là 100.000.000 đồng, thống nhất khi nào bà M cần thì thông báo trước, nhưng đến khoảng tháng 07 năm 2018 âm lịch thì Kim N bỏ địa phương đi, bà M có liên hệ với Kim N nhiều lần để yêu cầu thanh toán nợ, nhưng Kim N hứa và không thực hiện.

Nay bà M xét thấy vợ chồng ông C và bà Kim N không có thiện chí trả nợ, nên yêu cầu Tòa án giải quyết buộc vợ chồng ông Nguyễn Thanh C và bà Trần Kim N trả số tiền đã mượn là 100.000.000 đồng. Ngoài ra, bà M không yêu cầu gì khác.

* Tại đơn đề nghị vắng mặt ngày 17/10/2019, bị đơn bà Trần Kim N trình bày: Đối với yêu cầu thanh toán nợ của bà Ngô Thị M thì bà N xác định hiện nay không còn nợ bà M. Bà N yêu cầu giải quyết vắng mặt.

* Tại đơn đề nghị vắng mặt ngày 17/10/2019, bị đơn ông Nguyễn Thanh C trình bày: Ông C không nợ ai, không có trách nhiệm với nợ của ai. Ông C yêu cầu giải quyết vắng mặt.

** Tại phiên tòa:*

- Bà Ngô Thị M yêu cầu Tòa án giải quyết buộc vợ chồng ông Nguyễn Thanh C và bà Trần Kim N trả lại số tiền mượn là 100.000.000 đồng.

- Vợ chồng ông Nguyễn Thanh C và bà Trần Kim N xin vắng mặt.

- Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Về thủ tục tố tụng trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa thì Thẩm phán, Hội đồng xét xử và đương sự đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Ngô Thị M, buộc vợ chồng ông Nguyễn Thanh C và bà Trần Kim N thanh toán số tiền mượn là 100.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Vợ chồng ông Nguyễn Thanh C và bà Trần Kim N có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt; Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự xét xử vắng mặt đối với vợ chồng ông Nguyễn Thanh C và bà Trần Kim N.

[2] Về quan hệ tranh chấp, tư cách tham gia tố tụng và thẩm quyền giải quyết: Tại phiên tòa bà Ngô Thị M thay đổi yêu cầu khởi kiện, yêu cầu cả vợ chồng ông Nguyễn Thanh C và bà Trần Kim N thanh toán nợ, vào năm 2018 âm lịch bà M cho bà Trần Kim N cư trú tại: khóm 3 – thị trấn Rạch Gốc – huyện Ngọc Hiển mượn tiền, không tính lãi, thời hạn trả khi cần thì bà M sẽ thông báo trước, nay bà M yêu cầu vợ chồng ông C và bà N trả lại số tiền đã mượn. Như vậy, quan hệ tranh chấp trong vụ án được xác định là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản không kỳ hạn và không có lãi”; tư cách tố tụng trong vụ án được xác định: nguyên đơn là bà Ngô Thị M, bị đơn là vợ chồng ông Nguyễn Thanh C và bà Trần Kim N, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Ngọc Hiển được quy định tại khoản 3 Điều 26, Điều 39, Điều 68 của Bộ luật Tố tụng Dân sự và Điều 469 của Bộ luật Dân sự.

[3] Về nội dung vụ án:

[3.1] Xét yêu cầu của bà Ngô Thị M: Vào ngày 20/01/2018 âm lịch bà N có đến hỏi vay không lãi của bà M với số tiền là 100.000.000 đồng, việc vay tiền phía bà N có ký tên nhận nợ (thể hiện tại bút lục số 26). Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện

của mình, phía bà M đã cung cấp cho Tòa án biên nhận có nội dung thể hiện bà N có mượn của bà M số tiền 100.000.000 đồng và ký tên.

Vợ chồng ông Nguyễn Thanh C và bà Trần Kim N không thừa nhận còn nợ theo yêu cầu khởi kiện bà M.

Hội đồng xét xử xét thấy: Tòa án tiến hành trưng cầu giám định chữ ký và chữ viết của Trần Kim N trong biên nhận nợ, tại kết luận giám định số: 142/GĐ-2019 ngày 13 tháng 11 năm 2019 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Cà Mau kết luận chữ viết Trần Kim N trong biên nhận tại bút lục số 26 là cùng một người viết ra. Từ đó, có cơ sở kết luận bà Trần Kim N có vay tiền không lãi của bà M là thực tế xảy ra; Bà N trình bày là không còn nợ bà M, nhưng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ đã thanh toán tiền cho bà M, nên bà N phải chịu hậu quả của việc không đưa ra được chứng cứ để bảo vệ quyền lợi của mình được quy định tại Điều 91 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Đối với yêu cầu ông Nguyễn Thanh C là chồng của bà Trần Kim N cùng có trách nhiệm thanh toán số nợ nêu trên cho bà M, yêu cầu này của bà M là phù hợp nên được chấp nhận, bởi lẽ: Tại thời điểm vay tiền thì quan hệ hôn giữa ông C và bà N vẫn tồn tại, bà N và ông C không có làm ăn riêng, tất cả chỉ vì mục đích sinh hoạt trong gia đình, nên ông C phải có nghĩa vụ cùng với bà N thanh toán nợ nêu trên.

Từ những nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử quyết định chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Ngô Thị M, buộc vợ chồng ông Nguyễn Thanh C và bà Trần Kim N phải có trách nhiệm thanh toán cho bà Ngô Thị M số tiền vốn vay không lãi là 100.000.000 đồng.

Trường hợp vợ chồng ông C và bà N chậm thanh toán số tiền nêu trên, thì còn phải chịu thêm khoản tiền lãi theo quy định của pháp luật.

[3.2] Về án phí dân sự sơ thẩm: Áp dụng khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Buộc vợ chồng ông Nguyễn Thanh C và bà Trần Kim N phải chịu án phí với số tiền = 100.000.000 đồng x 5% = 5.000.000 đồng, nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Ngọc Hiển.

- Phần bà M nộp tạm ứng án phí với số tiền là 2.500.000 đồng tại biên lai thu tiền số 0005806 ngày 11 tháng 7 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Ngọc Hiển, nay bà M được nhận lại toàn bộ.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.
- Điều 466, Điều 469 của Bộ luật Dân sự.

- Khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Ngô Thị M đối với vợ chồng ông Nguyễn Thanh C và bà Trần Kim N về việc thanh toán tiền vay không lãi.

Buộc vợ chồng ông Nguyễn Thanh C và bà Trần Kim N phải có trách nhiệm thanh toán cho bà Ngô Thị M số tiền vốn vay không lãi là 100.000.000 đồng.

Ngoài ra, kể từ ngày bà M có đơn yêu cầu thi hành án, trường hợp vợ chồng ông C và bà N chậm thanh toán số tiền nêu trên, thì hàng tháng vợ chồng ông C và bà N còn phải chịu thêm khoản tiền lãi với mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Tố tụng Dân sự tương ứng với thời gian chậm thanh toán tại thời điểm thi hành án.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Buộc vợ chồng ông Nguyễn Thanh C và bà Trần Kim N phải chịu án phí với số tiền là 5.000.000 đồng, nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Ngọc Hiển.

- Phần bà M nộp tạm ứng án phí với số tiền là 2.500.000 đồng tại biên lai thu tiền số 0005806 ngày 11 tháng 7 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Ngọc Hiển, nay bà M được nhận lại toàn bộ.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

3. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt thì thời hạn kháng cáo kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Ngọc Hiển;
- Chi cục THADS huyện Ngọc Hiển;
- Tòa án tỉnh Cà Mau;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)**

Trần Hoàng Tuấn